TAND HUYỆN BÌNH SƠN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2021/HS –ST
Ngày: 16 – 9 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Kiều Trung;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Bùi Quốc Thìn;

2/ Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều– Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 81/2021/TLST –HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐXXST – HS ngày 25 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số 185/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC V**, sinh năm 1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; trú tại: Thôn B, xã B1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Đức Ả(chết) và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Lê Thị T; Con: 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 21/2010/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 25/6/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Phan Thanh T, sinh năm 1983 cùng vợ là chị Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1984, trú tại: thôn A, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Lê Thị T, sinh năm 1991, trú tại: Thôn B, xã B1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1961 cùng vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957, trú tại: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Lê Trung L, sinh năm 1985, trú tại: xóm T, thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1961, ở thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là anh ruột của chồng bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963, ở Thôn B, xã B1, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vào năm 1998 vợ chồng Ông Nguyễn Đức L cùng vợ chồng bà Nguyễn Thị T khai hoang đất để canh tác tại khu vực nông trường chè thuộc xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi với diện tích là trên 6.000m^2. Sau đó, hai bên gia đình thống nhất để vợ chồng Ông Nguyễn Đức L kê khai, đứng tên quyền sử dụng đất đối với toàn bộ khu vực khai hoang chung nói trên. Đến ngày 10/11/2010, UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Ông Nguyễn Đức L đối với thửa đất số: 13, 14, 15, 16, 17, 18 đều thuộc tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và tiếp đến ngày 20/8/2015, UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Ông Nguyễn Đức L đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 44, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích 07 thửa đất trên là 6.792 m^2. Cũng theo thỏa thuận thì vợ chồng bà Nguyễn Thị T canh tác trên 04 thửa đất số 14, 15, 18, 29 nêu trên với tổng diện tích là 4.093m^2. Đến năm 2016, vợ chồng bà Nguyễn Thị T giao con ruột là Nguyễn Đức V, sinh ngày 27/11/1990, ở thôn B, xã B1, huyện S trồng cây keo trên thửa đất số 29 nêu trên có diện tích 1.798m^2 nhưng không cho quyền sử dụng thửa đất này. Nguyễn Đức V sử dụng trồng cây keo nhưng không chăm sóc nên cây keo chết, sau đó cũng trong năm 2016, bà Nguyễn Thị T đã trồng cây keo khác và khai thác vào tháng 02/2021.

Năm 2019, để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Đức V đã nảy sinh ý định làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ hồng) giả đối với khu đất khai hoang chung của gia đình Nguyễn Đức V nêu trên với mục đích lừa đảo bán đất, chiếm đoạt tài sản của người khác. Cho nên vào khoảng tháng 10/2019, thông qua mạng xã hội Facebook trên điện thoại di động mà Nguyễn Đức V sử dụng, biết được trang mạng có nhận làm sổ hồng giả; do đó, Nguyễn Đức V đã nhắn tin qua ứng dụng Messenger để đặt vấn đề làm sổ hồng giả và được đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch nhắn tin trả lời, thống nhất làm sổ hồng giả có nội dung: Cấp cho Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND số 212312578, địa chỉ thường trú xã B, huyện S, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, diện tích 6.084,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm do UBND huyện S cấp ngày 19/10/2017 với số tiền 5.500.000 đồng. Đối tượng làm sổ hồng giả nhắn tin yêu cầu UBND huyện Bình Sơn cung cấp số điện thoại, địa chỉ cư trú để khi làm sổ hồng giả xong thì thông qua dịch vụ chuyển phát

nhanh giao sổ hồng giả này cho UBND huyện S và nhân viên chuyển phát nhanh sẽ thu hộ số tiền theo thỏa thuận. Khoảng 15 ngày sau, UBND huyện S được nhân viên chuyển phát nhanh của Bưu cục Viettel Post liên hệ qua điện thoại và đến thị trấn C, huyện S nhận bưu phẩm bên trong chứa một sổ hồng giả đã đặt mua trước đó, cũng như đóng số tiền 5.500.000 đồng. Qua điều tra, đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng làm sổ hồng giả, cũng như thời gian, địa điểm làm giả và đồng thời điện thoại, nội dung tin nhắn trao đổi trong quá trình làm sổ hồng giả thì Nguyễn Đức V không còn lưu trữ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đã có văn bản yêu cầu cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu số 173/CSĐT ngày 18/6/2021 gửi Bưu cục Viettel Post có nội dung: Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/10/2019, Bưu cục Viettel Post tại thị trấn C, huyện S có chuyển bưu phẩm nào cho ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, ở thôn B, xã B1, huyện S hay không? Nếu có, thì cung cấp thông tin, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đã gửi bưu phẩm. Tuy nhiên về một số thông tin trên hiện nay Bưu cục Viettel Post tại thị trấn C, huyện S không còn lưu trữ.

Sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, tháng 10/2019, Nguyễn Đức V biết được thông tin Anh Phan Thanh T, sinh năm 1983, ở thôn A, xã B, huyện S có nhu cầu mua đất rừng, trồng cây keo nên Nguyễn Đức V, đã liên hệ với Anh Phan Thanh T để đặt vấn đề mua bán đất, cây keo trên đất. Để cho Anh Phan Thanh T tin tưởng, Nguyễn Đức V dẫn Anh Phan Thanh T đến vị trí đất đã trồng cây keo được 02 năm tuổi mà vợ chồng Ông Nguyễn Đức L khai hoang cùng vợ chồng bà Nguyễn Thị T nêu trên và Nguyễn Đức V nói là đất, cây keo trên đất là của Nguyễn Đức V; đồng thời, Nguyễn Đức V nói đất này đã dược Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nguyễn Đức V nên ông Phan Thanh T tin tưởng là thật mà đồng ý mua đất, cây keo trên đất với giá 140.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2019, Nguyễn Đức V đi cùng bà Lê Thị T (sau này là vợ bị cáo Nguyễn Đức V), sinh năm 1991, ở thôn P, xã B, huyện S đến nhà ông Phan Thanh T ở thôn A, xã B, huyện S gặp ông Phan Thanh T và vợ là bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm 1984 để giao dịch mua, bán đất, cây keo trên đất. Sau đó, ông Nguyễn Đức V đưa cho ông Phan Thanh T xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhưng Nguyễn Đức V nói sổ hồng này là thật để ông Phan Thanh T tin tưởng giả mà thành thật và đồng ý mua đất. Sau khi xem xét xong thì ông Phan Thanh T đưa cho ông Nguyễn Đức V số tiền 140.000.000 đồng và giữ sổ hồng này. Tiếp đến ông Phan Thanh T viết giấy xác nhận việc mua, bán đất và có chữ ký xác nhận của ông Phan Thanh T (người mua), ông Nguyễn Đức V (người bán).

Đến tháng 02/2021, ông Phan Thanh T đến vị trí đất mua thì phát hiện cây keo đã bị khai thác nên ông Phan Thanh T hỏi thăm thì được biết đất mình mua không phải ông Nguyễn Đức V đứng tên quyền sử dụng đất và cây keo trên đất là không phải của Nguyễn Đức V. Lúc này ông Phan Thanh T mới biết Nguyễn Đức V đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình. Ngày 05/4/2021, ông Phan Thanh T đã đến Công an huyện Bình Sơn để tố giác hành vị phạm tội của ông Nguyễn Đức V và giao nộp một số tài liệu, chứng cứ gồm: sổ hồng nhận từ Nguyễn Đức V, giấy viết tay xác nhận việc mua, bán đất, cây keo trên đất.

Ngày 06/4/2021, Công an huyện Bình Sơn đã làm việc UBND xã B để xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Nguyễn Đức V mà Anh Phan Thanh T giao nộp, qua đó xác định: Nguyễn Đức V không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thừa đất số 16, tờ bản đồ số 03, địa chỉ xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 12/4/2021, Nguyễn Đức V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 19/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn ra Quyết định Trưng cầu giám định số 97, đến ngày 10/5/2021 Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ngãi có Kết luận giám định số 376/KLGĐ-PC09 kết luận như sau: *Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi do UBND huyện Scấp ngày 19/10/2017 cho ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND số 212312578, địa chỉ thường trú: Xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là giả; Chữ ký ông Võ Đình T và hình dấu Quốc huy trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi do UBND huyện S cấp ngày 19/10/2017 cho ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND số 2123125 78, địa chỉ thường trú: xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là giả; Chữ ký, chữ viết họ và tên "Nguyễn Đức V" trên giấy mua bán đất với ông Phan Thanh T và chữ ký, chữ viết họ và tên "*Nguyễn Đức V*" trong bản tự khai ngày 12/4/2021, giấy cam đoan ngày 13/4/2021 là do cùng một người ký, viết ra.*

Ngày 28/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn có Công văn số 91/CSĐT về việc đề nghị cung cấp thông tin gửi Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện S đến ngày 17/5/2021, Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh huyện S có văn bản phúc đáp số 585/CNHBS với nội dung: Qua kiểm tra số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu trữ thì không thấy tên ông Nguyễn Đức V, trong số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của xã B, huyện S.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Mục đích Nguyễn Đức V sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo Anh Phan Thanh T là để chiếm đoạt số tiền 140.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Bên cạnh đó, bị cáo Nguyễn Đức V còn khai nhận một mình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngoài ra không có ai khác biết, giúp sức, tham gia phạm tội cùng bị cáo; nội dung khai nhận của bị cáo Nguyễn Đức V là phù hợp với chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Do đó, trong vụ án này Cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ khởi tố một mình bị cáo Nguyễn Đức V đối với hai tội danh đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 56/CT – VKS – BS, ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức V về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xác định Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức V về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* là có căn

cứ, đúng pháp luật nên giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đức V **với mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Đức V **với mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù** về tội "sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt **từ 36 tháng đến 48 tháng tù.**

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không bào chữa, tranh luận về điểm, khoản, điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đức V đã khai nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] *Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:* Để có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Đức V đã nảy sinh ý định làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ hồng) giả đối với khu đất khai hoang chung của gia đình Nguyễn Đức V, gia đình Ông Nguyễn Đức L, bà Nguyễn Thị H với mục đích lừa đảo bán đất, chiếm đoạt tài sản của người khác. Để thực hiện hành vi phạm tội của mình nên khoảng tháng 10/2019, thông qua mạng xã hội Facebook trên điện thoại di động mà Nguyễn Đức V sử dụng, Nguyễn Đức V đặt mua 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cấp cho Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND số 212312578, địa chỉ thường trú xã B, huyện S, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3, diện tích 6.084,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm do UBND huyện S cấp ngày 19/10/2017 với số tiền 5.500.000 đồng. Sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, Nguyễn Đức V đem bán thửa đất số 16, tờ bản đồ số 3 cho Anh Phan Thanh T và vợ là chị Đặng Thị Mỹ H với số tiền 140.000.000 đồng. Vì tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là thật nên anh T, chị Th đã giao cho bị cáo số tiền 140.000.000 đồng. Sau khi

nhận được số tiền trên bị cáo chiếm đoạt toàn bộ và sử dụng để tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức V đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3.1] *Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức:* để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng Anh Phan Thanh T, chị Đặng Thị Mỹ H thì bị cáo sử dụng mạng xã hội Facebook nhắn tin qua ứng dụng Messenger để đặt vấn đề làm sổ hồng giả và được đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch nhắn tin trả lời, thống nhất làm sổ hồng giả có nội dung: Cấp cho Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND số 212312578, địa chỉ thường trú xã B, huyện S, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, diện tích 6.084,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm do UBND huyện S cấp ngày 19/10/2017 với số tiền 5.500.000 đồng. Đối tượng làm sổ hồng giả nhắn tin yêu cầu Nguyễn Đức V cung cấp số điện thoại, địa chỉ cư trú để khi làm sổ hồng giả xong thì thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh giao sổ hồng giả này cho Nguyễn Đức V và nhân viên chuyển phát nhanh sẽ thu hộ số tiền theo thỏa thuận. Khoảng 15 ngày sau, Nguyễn Đức V được nhân viên chuyển phát nhanh của Bưu cục Viettel Post liên hệ qua điện thoại và đến thị trấn C, huyện S nhận bưu phẩm bên trong chứa một sổ hồng giả đã đặt mua trước đó, cũng như đóng số tiền 5.500.000 đồng. Sau khi nhận được giấy tờ giả trên bị cáo đem lừa bán đất cho vợ chồng Anh Phan Thanh T, chị Đặng Thị Mỹ H chiếm đoạt tổng số tiền là 140.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Đức V đủ yếu tố cầu thành tội *"Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức"* với tình tiết định khung "*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác và hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu, giấy tờ. Vì thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ sức lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: Ngày 07/12/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 21/2010/HSST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc

phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo đến Công an huyện Bình Sơn đầu thú, bị cáo đang nuôi 02 con nhỏ trong đó có 01 cháu bị tàn tật, bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo đối với tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5.4] Bị cáo đã từng bị xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, bản thân không chịu rèn luyện, tu dưỡng mà tiếp tục phạm tội, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Vì vậy, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND sô 212312578, địa chỉ thường trú xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, diện tích 6.084,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm, ngày cấp 19/10/2017.

- 01 (một) tờ giấy đôi loại vở học sinh có ghi nội dung: Giấy bán đất giữa ông Nguyễn Đức V, SN 27/11/1990, có số CMND 212312578 và ông Phan Thanh T, ở thôn A, xã B, huyện S đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) đề ngày 31/10/2019, có chữ ký xác nhận Nguyên Đức V (người bán) và Phan Thanh T (người mua).

Các tài liệu nên trên là tang vật của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về vấn đề dân sự: Anh Phan Thanh T, chị Đặng Thị Mỹ H yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức V có nghĩa vụ bồi thường số tiền 30.000.000 đồng ngoài số tiền 140.000.000 đồng đã bồi thường gồm các khoản: lãi suất ngân hàng, tiền công chăm sóc cây, tiền phân bón...). Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức V đồng ý theo yêu cầu của anh T, chị H và có nghĩa vụ bồi thường cho anh T, chị H số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

[8] Về vấn đề khác:

[8.1] Đối với Lê Thị T (là vợ của bị cáo Nguyễn Đức V) tuy có cùng bị cáo V đến nhà Anh Phan Thanh T, chị Đặng Thị Mỹ H để giao dịch mua bán đất nhưng tại thời điểm ngày 31/10/2019, giữa chị T với bị cáo V chỉ là bạn, chưa kết hôn, chị T hoàn toàn không biết việc bị cáo V sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T, chị H và chị T cũng không sử dụng đối với số tiền mà bị cáo V chiếm đoạt được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bình Sơn không truy tố chị T đồng phạm với bị cáo V là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8.2] Đối với đối tượng làm giả giấy tờ: Bị cáo Nguyễn Đức V khai bị cáo đã lên mạng xã hội Facebook nhắn tin qua ứng dụng Messenger để đặt vấn đề làm sổ hồng giả. Tuy nhiên, bị cáo không nhớ địa chỉ Facebook, không biết tên, địa chỉ của người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo. Do đó, Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Sơn không có cơ sở để điều tra, xử lý, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, đề nghị xử lý sau.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức V phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Xét ý kiến đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: Đề nghị áp dụng pháp luật, tội danh, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, mức hình phạt và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V **18** (mười tám) tháng tù.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*

Xử phạt Nguyễn Đức V **24** (hai mươi bốn) tháng tù.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội danh nêu trên buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải chấp hành hình phạt chung là **42** (bốn mươi hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/5/2021 đến ngày 25/6/2021.

2. Về dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Đức V và Anh Phan Thanh T, chị Đặng Thị Mỹ H: Buộc bị cáo Nguyễn Đức V có nghĩa vụ bồi thường cho Anh Phan Thanh T, chị Đặng Thị Mỹ H số tiền 30.000.000đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Riêng đối với số tiền 140.000.000 đồng bị cáo V đã bồi thường, anh T, chị H đã nhận đủ và không yêu cầu khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho Nguyễn Đức V, sinh năm 1990, CMND số 212312578, địa chỉ thường trú xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, diện tích 6.084,9m^2, loại đất trồng cây lâu năm, ngày cấp 19/10/2017; 01 (một) tờ giấy đôi loại vở học sinh có ghi nội dung: Giấy bán đất giữa ông Nguyễn Đức

V, Sinh ngày: 27/11/1990, có số CMND 212312578 và ông Phan Thanh T, ở thôn A, xã B, huyện S đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 03, số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) đề ngày 31/10/2019, có chữ ký xác nhận Nguyễn Đức V (người bán) và Phan Thanh T (người mua).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Đức V phải nộp 200.000đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đồng *(Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung.

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Đội CSĐT; Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Công an; VKS; CCTHA huyện B.Sơn;
- UBND xã Bình Khương (thay thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Thìn **Phạm Thị Lan** **Đoàn Kiều Trung**

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM